

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 - 12 - 2017  
Về việc: “Không công nhận là vợ  
chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thế Vỹ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đại Hải
2. Bà Vũ Thị Yên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017, về: “Không công nhận ông Đồng, bà Duyên là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Hồ Kim Đ, Sinh năm: 1972

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố M, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

*Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thùy D, Sinh năm: 1978

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố M, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hồ Kim Đ trình bày:* Ông Đồng và bà Phạm Thị Thùy D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng vẫn sống với nhau bình thường. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô D ghen tuông vô cớ nên liên tục quấy phá trong gia đình suốt ba năm. Đã nhiều lần ông Đ đã khuyên bảo nhưng bà D

không nghe, ngay cả gia đình bên vợ cũng đàn áp. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà D.

Về con chung: Ông Đ và bà D có 02 con chung là: Hồ Anh T, sinh ngày: 15/9/1999; Hồ Kim A, sinh ngày: 08/3/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu. Còn lại cháu A, ông Đ yêu cầu bà D được nuôi dưỡng, giáo dục và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

*Tại bản tự khai ngày 30/10/2017, bị đơn bà Phạm Thị Thùy D trình bày:* Bà D và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng vẫn sống với nhau bình thường. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, bà D đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ vẫn không nghe và quyết định ly hôn với bà D. Bà D nhất trí theo yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về con chung: Ông Đ và bà D có 02 con chung là: Hồ Anh T, sinh ngày: 15/9/1999; Hồ Kim A, sinh ngày: 08/3/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu. Còn lại cháu A, bà D yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị D theo quy định tại Điều 14 Luật HNGĐ. Về con chung: Cháu Hồ Kim A, sinh ngày: 08/3/2001 có nguyện vọng được ở với chị D. Anh Đ và chị D thống nhất giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó yêu cầu của chị D và anh Đ là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có. Anh Đ phải nộp 300.000đ án phí HNGĐST, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

*Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:*

Giấy khai sinh mang tên Hồ Anh T; Hồ Kim A.

Chứng minh nhân dân mang tên Hồ Kim Đ, Phạm Thị Thùy D.

Sổ hộ khẩu mang tên Phạm Thị Thùy D.

Biên bản xác minh ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Hồ Kim Đ yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Thùy D. Yêu cầu của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Hồ Kim Đ và bà Phạm Thị Thùy D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng giữa ông Đ và bà D. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Đ và bà D là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà D có 02 con chung là: Hồ Anh T, sinh ngày: 15/9/1999; Hồ Kim A, sinh ngày: 08/3/2001.

Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định, ông Đ và bà D không yêu cầu nên không xét. Riêng cháu A, ông Đ yêu cầu bà D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của ông Đ là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của bà D và cháu A, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà D nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 68; Điều 69; Điều 71; Điều 72; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hồ Kim Đ và bà Phạm Thị Thùy D là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Bà Phạm Thị Thùy D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Hồ Kim A, sinh ngày: 08/3/2001.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Thùy D về việc không yêu cầu ông Hồ Kim Đ cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ông Hồ Kim Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Ông Hồ Kim Đ phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đồng đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0011919 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R. Ông Đồng đã nộp đủ.

5. Ông Hồ Kim Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Thùy D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố R
- Chi cục THADS thành phố R
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thế Vỹ**